

Châu Ngọc Hồ

YÊU CẦU KỸ THUẬT
THUÊ DỊCH VỤ SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG CÁC PHƯƠNG TIỆN
VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH NĂM 2027

1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI SỬ DỤNG:

1.1. Mục đích:

- Nhằm đảm bảo cho các phương tiện luôn hoạt động ổn định, phục vụ công tác vận chuyển hành khách của liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.

1.2. Đặc điểm kỹ thuật dịch vụ:

Số	Đối tượng thực hiện dịch vụ	Năm sản xuất	Ghi chú
1	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Hiace TRH223L-LEMDK, BKS: 72LD-00276. (SK:JTFSX22P206142395; SM:2TR-FE8569240)	2013	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
2	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Hiace TRH223L-LEMDK, BKS: 72LD-00296. (SK:JTFSX22P106142890; SM: 2TR-FE8572274)	2013	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
3	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Hiace TRH223L-LEMDK, BKS: 72LD-00271. (SK: JTFSX22P306142714; SM: 2TR-FE8571287)	2013	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
4	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Hiace TRH223L-LEMDK, BKS: 72LD-00250. (SK: JTFSX22P206142008; SM: 2TR-FE8563542)	2013	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
5	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Hiace TRH223L-LEMDK, BKS: 72LD-00291. (SK: JTFSX22P306142048; SM: 2TR-FE8561452)	2013	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
6	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Hiace	2013	Theo biên bản đánh giá

	TRH223L-LEMDK, BKS: 72LD-00201. (SK:JTFSX22P706142425; SM: 2TR-FE8569578)		tình trạng kỹ thuật
7	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Hiace TRH223L-LEMDK, BKS: 72LD-00275. (SK:JTFSX22P206142848; SM: 2TR-FE8574922)	2013	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
8	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota camry 3.5Q GSV40L-JETGKU, BKS:72LD-1257. (SK:RL4BK48K896001473; SM: 2GR-0702008)	2009	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
9	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota camry 3.5Q GSV40L-JETGKU, BKS: 72LD-1269 (SK: RL4BK48K896001425; SM: 2GR-0688666)	2009	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
10	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Fortuner 2.7 TGN51L-NKPSKU, BKS: 72LD-00165 (SK: RL4YX59G7C9015060; SM: 2TR-7344598)	2012	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
11	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota camry 2.4G ACV40L-JEAERU, BKS: 72LD-00159. (SK: RL4BE42K0C6012040; SM: 2AZ-FE241581)	2011	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
12	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota camry 2.4G ACV40L-JEAERU, BKS: 72LD-00157. (SK: RL4BE42K4C6012249; SM: 2AZ-FE243411)	2011	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
13	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota camry 2.4G ACV40L-JEAERU, BKS: 72LD-1193. (SK: RL4BE42K986003974; SM: 2AZ-E109563)	2008	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
14	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota camry 2.4G ACV40L-JEAERU, BKS: 72LD-00160. (SK: RL4BE42KXC6012403; SM: 2AZ-FE243648)	2011	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
15	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota camry 3.5Q GSV40L-JETGKU, BKS: 72LD-1243 (SK: RL4BK48K4A6001555; SM: 2GR-0711350)	2010	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật
16	Sửa chữa, bảo dưỡng xe Toyota Fortuner 2.7 TGN51L-NKPSKU, BKS: 72LD-00198 (SK: RL4YX59G2B9017090; SM: 2TR-7590294)	2012	Theo biên bản đánh giá tình trạng kỹ thuật

1.3. Điều kiện môi trường làm việc:

- Khí hậu môi trường biển, nhiệt đới nóng ẩm.
- Nhiệt độ môi trường 30°C – 40°C.

- Độ ẩm tương đối đến 95%.

2. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI DỊCH VỤ.

- 2.1. Phạm vi cung cấp dịch vụ: như phụ lục 1 – Phạm vi cung cấp dịch vụ kèm theo.
- 2.2. Các phương tiện sau khi sửa chữa, bảo dưỡng phải đảm bảo duy trì hoạt động bình thường, ổn định ở mọi chế độ vận hành.
- 2.3. Trong quá trình thực hiện công việc nếu phát hiện các chi tiết hư hỏng hoặc không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật nhà thầu thông báo cho đơn vị chủ quản để đưa vào kế hoạch sửa chữa và chỉ được thực hiện sửa chữa khi có sự đồng ý của đơn vị chủ quản thiết bị.
- 2.4. Công việc sửa chữa, bảo dưỡng được thực hiện tuần tự, lần lượt từng xe, nhóm xe hoặc nhà thầu có thể đề xuất phương án theo khả năng nhưng phải thỏa thuận với XN Dịch vụ và đảm bảo tiến độ.
- 2.5. Trong quá trình sửa chữa XN Dịch vụ sẽ cử người đại diện để giám sát, kiểm tra và nghiệm thu lập biên bản từng giai đoạn, bám sát kế hoạch hoàn thiện trong phụ lục - nghiệm thu từng phần (*nếu cần thiết*). Kết thúc hoàn thành công việc sửa chữa sẽ tổ chức nghiệm thu tổng thể.
- 2.6. Sau khi sửa chữa, bảo dưỡng nhà thầu phối hợp với XNDV kiểm tra và lập biên bản nghiệm thu.
- 2.7. Thời hạn bảo hành:
12 tháng kể từ ngày biên bản nghiệm thu giữa các bên được lãnh đạo XNDV phê duyệt.
- 2.8. Địa điểm thực hiện dịch vụ: Tại địa điểm của nhà thầu.

3. YÊU CẦU VỀ KHỐI LƯỢNG DỊCH VỤ

- Nhà thầu cam kết cung cấp trọn gói dịch vụ mình tham gia đúng như PL1-Phạm vi công việc đính kèm.

4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI VẬT TƯ KÈM THEO DỊCH VỤ:

- 4.1. Vật tư phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chủng loại, ký mã hiệu, xuất xứ rõ ràng được quy định trong PL1 phạm vi công việc.
- 4.2. Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, được sản xuất không trước Quý 4 năm 2025.
- 4.3. Vật tư, phụ tùng kèm theo dịch vụ phải được kiểm tra trước khi đưa vào lắp đặt (*lập biên bản*).

5. YÊU CẦU NĂNG LỰC ĐỐI VỚI NHÀ THẦU.

- 5.1. Nhà thầu phải có giấy phép hoạt động kinh doanh phù hợp với công việc sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận chuyển hành khách (*chứng minh bằng hồ sơ, giấy tờ đính kèm*).
- 5.2. Nhà thầu phải có mặt bằng nhà xưởng diện tích phù hợp (bãi đậu xe $\geq 300m^2$) có đầy đủ trang thiết bị phù hợp với công việc sửa chữa phương tiện theo PL1.

- 5.3. Nhà thầu phải có hồ sơ chứng minh trong vòng 3 năm gần đây đã từng thực hiện và hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 01 hợp đồng hoặc 01 dự án về sửa chữa, bảo dưỡng... phương tiện vận chuyển hành khách.
- 5.4. Nhà thầu có nhân lực trình độ, tay nghề, kinh nghiệm phù hợp với công việc bảo dưỡng phương tiện vận chuyển hành khách (*chứng minh bằng hồ sơ năng lực, bằng cấp, chứng chỉ có chứng thực đính kèm*).
- Đội ngũ thực hiện công việc phải có tối thiểu 03 người là công nhân lành nghề, có bậc từ 3/7 trở lên (*điện, điện tự động hóa, cơ khí...*) có kinh nghiệm trong công tác thi công, bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện vận chuyển hành khách (*chứng minh bằng hồ sơ năng lực, bằng cấp, chứng chỉ có chứng thực đính kèm*).
- 5.5. Nhà thầu phải có khả năng điều động nhân sự ngay (trong vòng 2 ngày) khi có sự cố liên quan đến công việc trong thời gian bảo hành dịch vụ.

6. THỜI HẠN THỰC HIỆN DỊCH VỤ

Thời gian thực hiện dịch vụ: trong vòng 30 ngày làm việc, kể từ ngày Ký hợp đồng và lập biên bản bàn giao phương tiện cho đến ngày HAI BÊN ký biên bản nghiệm thu hoàn thành dịch vụ.

7. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ THẦU

Nhà thầu cam kết thực hiện đầy đủ các trách nhiệm sau, khi thực hiện dịch vụ:

- 7.1. Lập bảng tiến độ thực hiện dịch vụ.
- 7.2. Nếu cần thiết nhà thầu phối hợp với XNDV (Đội xe VCHK, Phòng KTVT) khảo sát, lập kế hoạch thực hiện công việc sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trình lãnh đạo XNDV phê duyệt.
- 7.3. Nhà thầu lập danh mục vật tư cần thay thế theo từng hạng mục công việc đảm bảo đủ số lượng (như danh mục công việc đính kèm).
- 7.4. Thực hiện đầy đủ các hạng mục, nội dung công việc dịch vụ và đảm bảo chất lượng, tiến độ như danh mục công việc kèm theo.
- 7.5. Sau khi thực hiện dịch vụ theo nội dung phạm vi công việc, phương tiện sửa chữa phải hoạt động bình thường, ổn định ở mọi chế độ vận hành.
- 7.6. Phối hợp với XNDV chạy thử, nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu bởi hội đồng kỹ thuật của XNDV trước khi đưa phương tiện vào sử dụng.

8. TRÁCH NHIỆM CỦA VIETSOVPETRO

- 8.1. Hỗ trợ cho các nhà thầu những công việc sau:
- Cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan tới công việc dịch vụ (*Catalogue, manual ...*)
 - Hỗ trợ, tạo điều kiện để nhà thầu khảo sát phương tiện vận chuyển hành khách theo từng hạng mục công việc PL1 (*nếu cần thiết*).
 - Lập biên bản bàn giao phương tiện vận chuyển hành khách trong vòng 5 ngày, ngay sau khi hợp đồng giữa HAI BÊN có hiệu lực.

8.2. Giám sát và kiểm tra trong quá trình nhà thầu thực hiện dịch vụ:

- Được quyền thực hiện việc kiểm tra, giám sát nhà thầu bất kỳ thời điểm hoặc giai đoạn nào trong quá trình thực hiện dịch vụ.

9. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT

9.1. Yêu cầu về tài liệu/hồ sơ kỹ thuật cung cấp kèm theo khi chào thầu:

- Nhà thầu cung cấp hồ sơ năng lực của nhân viên tham gia dịch vụ như mục 5.4 YCKT.
- Nhà thầu có diện tích cơ sở tối thiểu 300m² để thực hiện dịch vụ.

9.2. Yêu cầu về tài liệu/ hồ sơ kỹ thuật cung cấp khi kết thúc công việc như sau:

- Kết hợp với XNDV lập biên bản nghiệm thu dịch vụ sau sửa chữa.
- Kết hợp với XNDV lập biên bản bàn giao phế liệu (*phụ tùng hư hỏng*).

10. YÊU CẦU VỀ CHỨNG CHỈ

Nhà thầu cam kết cung cấp giấy chứng nhận bảo hành: 12 tháng kể từ ngày biên bản nghiệm thu được lãnh đạo XNDV phê duyệt: Bản gốc.

11. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CÁC CHÀO HÀNG KỸ THUẬT

Hồ sơ chào thầu phần kỹ thuật được đánh giá như sau:

- Đánh giá trọn gói cả đơn hàng theo bảng tiêu chí đánh giá kỹ thuật kèm theo.

Soạn thảo:

Các thành viên kỹ thuật đơn vị đặt hàng:

Trưởng phòng KTVT XNDV

Bùi Đức Truyền

Đội trưởng đội VCHK XNDV

Nguyễn Thanh Xuân

Đội phó đội VCHK XNDV

Võ Đăng Khoa

Chuyên viên P.KTVT-XNDV- XNDV

Đỗ Minh Đức

Kỹ sư XSC –XNDV

Trần Hoài Nam